

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81 82, 83, 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số 145/2019/HNST ngày 10 tháng 4 năm 2019, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Lê Ngọc Th, sinh năm 1959
Bà Trần Thị B, sinh năm 1958.

Cùng địa chỉ: đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại Quận 2 nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ Biên bản hòa giải thành tại Trung tâm Hòa giải - Đối thoại ngày 24/7/2019 và Đơn yêu cầu thuận tình ly hôn có trong hồ sơ, Tòa án nhân dân Quận 2 nhận thấy:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn Quyết định số 12, ngày 22/3/1998, Số 10, Quyển số 06, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Z thì quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Ngọc Th và bà Trần Thị B là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp.

Trong thời gian chung sống vợ chồng, ông Lê Ngọc Th và bà Trần Thị B bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Ông B và bà H đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Xét quan hệ hôn nhân của ông Lê Ngọc Th và bà Trần Thị B là không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của cả hai là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông Th và bà B xác nhận có 02 (hai) con chung là Lê Thành C, sinh ngày 05/02/1989 và Lê Việt A, sinh ngày 11/3/1994. Hai con đều đã thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Th và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Cả hai bên thống nhất Ông Th tự nguyện chịu lệ phí là 300.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Ngọc Th và bà Trần Thị B.

Quan hệ hôn nhân của ông Lê Ngọc Th và bà Trần Thị B theo Giấy chứng nhận kết hôn Quyết định số 12, ngày 22/3/1998, Số 10, Quyền số 06, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Z chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, Ông Th và bà B xác nhận có 02 (hai) con chung là Lê Thành C, sinh ngày 05/02/1989 và Lê Việt A, sinh ngày 11/3/1994. Hai con đều đã thành niên nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Th và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), cả hai bên thống nhất ông Lê Ngọc Th tự nguyện chịu. Cán trừ số tiền đã nộp 300.000 đồng, ông Th đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0016585 ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Ông Th đã nộp tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- UBND xã X, huyện Y, tỉnh Z;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (Tường).

THẨM PHÁN

Trần Thị Minh Yến